TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:339/2026/HNGĐ-ST Ngày 07-8-2026 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực;

2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 408/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số ngày 05 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Mỹ T, sinh năm 1983; thường trú: tổ A,khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lường Trinh C, sinh năm 1983; thường trú: tổ A,khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 3 năm 2026 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trương Mỹ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Mỹ T và ông Lường Trinh C tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, thành phố Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 22, quyển số: I/2007 ngày 09 tháng 02 năm 2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không còn cảm thông cho nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trương Mỹ T yêu cầu được ly hôn với ông Lường Trinh C.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lường Quế C1, sinh ngày 04/8/2015 và Lường Thế K, sinh ngày 11/11/2007; sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lường Quế C1, sinh ngày 04/8/2015 và không yêu cầu ông Lường Trinh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, còn con chung Lường Thế K, sinh ngày 11/11/2007 đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lường Trinh C: đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập yêu cầu đến Tòa án để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại biên bản xác minh ngày 10 tháng 5 năm 2026 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Trương Mỹ T và ông Lường Trinh C tại Hội Phụ phụ nữ phường Tân Đông H, Thành phố Hồ Chí Minh và được cung cấp thông tin như sau: Bà Trương Mỹ T không phải là thành viên nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Toà án, bà T cũng như ông C không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội Liên hiệp cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội Tân Đông H không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông C. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Trương Mỹ T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lường Trinh C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Trương Mỹ T và ông Lường Trinh C tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 22, quyển số: I/2007 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, thành phố Đ) cấp ngày ngày 09 tháng 02 năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hoà thuận, hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông C. Quá trình tố tụng Toà án đã triệu tập ông Lường Trinh C để hoà giải nhưng ông C vắng mặt không rõ lý do, bà T cũng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt không tham gia hòa giải. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trương Mỹ T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lường Quế C1, sinh ngày 04/8/2015. Quá trình tố tụng ông Lường Trinh C không có ý kiến gì đối với con chung. Cháu Quế C1 hiện nay đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của cháu C1 cũng muốnđược ở với mẹ là bà Trương Mỹ T. Cháu Lường Thế K, sinh ngày 11/11/2007đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc giao cháu Lường Quế C1, sinh ngày 04/8/2015 cho bà Trương Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vìvậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Trương Mỹ T. Cháu Lường Thế K, sinh ngày 11/11/2007 đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Mỹ T về việc không yêu cầu ông Lường Trinh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng nguyên đơn bà Trương Mỹ T tự nguyện chịu được khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Mỹ T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Mỹ T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Lường Trinh C

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Mỹ T được ly hôn với ông Lường Trinh C.

1.2. Về con chung: Bà Trương Mỹ T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lường Quế C1, sinh ngày 04/8/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Mỹ T về việc không yêu cầu ông Lường Trinh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lường Thế K, sinh ngày 11/11/2007 đã trưởng thành đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Trương Mỹ T và ông Lường Trinh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu, được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Mỹ T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 98 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16-Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16-Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà